

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 412 /2023/DS-PT
Ngày 13 –12– 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang
Bà Đinh Cẩm Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 11 và ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 352/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 166/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh đại lý T.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

Do bà Văn Hồng H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C làm chủ hộ.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Đào Văn U, sinh năm 1978 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Ánh N, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Đào Văn U, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Văn Hồng H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của bà Văn Hồng H là ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Vào khoảng tháng 7/2017, Hộ kinh doanh đại lý T (đại lý T) có đầu tư bán thức ăn, thuốc thủy sản và vật tư nuôi tôm cho vợ chồng ông Đào Văn U và bà Nguyễn Ánh N; điều kiện thanh toán tiền mặt hoặc kết thúc vụ nuôi hoặc khi bên đại lý T yêu cầu thanh toán.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng đến hết vụ nuôi ông Đào Văn U còn nợ đại lý T số tiền 848.013.000 đồng. Sau đó ông U trả 04 bao thức ăn tương đương số tiền 4.495.000 đồng và trả tiền mặt cho đại lý T 02 lần tổng số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ lại đại lý T 643.518.000 đồng và tiền bạt 82.150.000 đồng, tổng số tiền 725.168.000 đồng và ngưng hợp đồng mua bán với đại lý T, nhưng ông U không thanh toán số tiền trên cho đại lý T. Đại lý T nhiều lần liên hệ yêu cầu ông U và bà N trả nợ, nhưng ông U và bà N cố tình tránh né không thực hiện việc trả nợ.

Do đó, bà Văn Hồng H là đại lý T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đào Văn U và bà Nguyễn Ánh N trả số tiền 725.168.000 đồng.

- Theo ông Đoàn Văn Út trình bày:

Ông U xác định trước đây vợ chồng ông giao dịch mua bán thuốc, thức ăn nuôi tôm và bạt với đại lý T. Ông có trả tiền thuốc, thức ăn cho đại lý T; đến khoảng năm 2020 do ông nuôi tôm thất bại chưa có tiền trả số tiền mua thuốc, thức ăn cho đại lý T nên đại lý T ngưng không cung cấp thuốc, thức ăn cho ông tiếp tục nuôi tôm, dẫn đến vợ chồng ông không tiếp tục nuôi tôm được nữa. Từ đó, vợ chồng ông không có thu nhập và hiện nay vợ chồng ông còn nợ đại lý T số tiền khoảng 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, chứ không đến số tiền 725.168.000 đồng như đại lý T yêu cầu; ông đồng ý trả đại lý T số tiền vợ chồng ông còn nợ tiền thuốc, thức ăn cho đại lý T.

- Theo bà Nguyễn Ánh N trình bày:

Bà N thống nhất theo lời trình bày của ông U và bà đề nghị cho bà thời gian để bà kiểm tra lại số nợ vợ chồng bà còn nợ đại lý T chính xác bao nhiêu, bà đồng ý cùng ông U trả cho đại lý T số tiền còn nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 166/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh đại lý T. Buộc ông Đoàn Văn Út và bà Nguyễn Ánh N trả cho Hộ kinh doanh đại lý T số tiền 725.168.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 21/8/2023, ông Đào Văn U có đơn kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho Hộ kinh doanh đại lý T số tiền 500.000.000đ, không đồng ý trả số tiền 725.168.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Văn U giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Ông U phát biểu: Ông chỉ nợ đại lý T tiền thức ăn tôm, thuốc thủy sản đến ngày 29/4/2021 là 525.093.000 đồng và tiền bạt trả ao 82.150.000 đồng, tổng cộng là 607.243.000 đồng.

Ông H2 phát biểu: Theo hóa đơn do đại lý T ghi chép theo dõi thì tổng số tiền ông U và bà N nợ là 725.168.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2023, ông U thừa nhận nợ số tiền 725.168.000 đồng. Bà N là vợ ông U cũng thống nhất với bản án sơ thẩm đã xét xử, không có kháng cáo. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà N không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Đào Văn U, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, ông U và bà Nguyễn Ánh N thừa nhận mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản và vật tư nuôi tôm của đại lý T và còn nợ tiền của đại lý T. Tuy nhiên, về khoản tiền nợ giữa đại diện nguyên đơn với ông U và bà N trình bày không thống nhất nhau. Đại diện nguyên đơn cho rằng ông U và bà N nợ tiền thức ăn tôm, thuốc thủy sản đến ngày 11/8/2021, tiền bạt trả ao tổng cộng là 725.168.000 đồng. Ông U và bà N cho rằng nợ tiền thức ăn tôm, thuốc thủy sản đến ngày 29/4/2021 là 525.093.000 đồng, tiền bạt trả ao là 82.150.000 đồng, tổng cộng là 607.243.000 đồng.

[2] Xét thấy, việc mua bán giữa đại lý T với ông U và bà N được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng lời nói, không có lập văn bản hợp đồng. Quá trình mua bán, chỉ có đại lý T ghi chép hóa đơn theo dõi và giao cho ông U, bà N để biết, các bên cũng không có việc ký đối chiếu để xác nhận công nợ với nhau. Khi xảy ra tranh chấp, phía nguyên đơn và ông U, bà N đều cung cấp hóa đơn để chứng minh khoản nợ; phía nguyên đơn cung cấp hóa đơn thể hiện việc mua bán đến ngày 11/8/2021, phía ông U và bà N cung cấp hóa đơn thể hiện việc mua bán đến ngày 29/4/2021. Như vậy có thể xảy ra tình huống do phía đại lý T tự ghi thêm hóa đơn nhằm để tăng khoản nợ hoặc do phía ông U và bà N không cung cấp đầy đủ các hóa đơn mà đại lý T đã giao nhằm để giảm đi khoản nợ.

[3] Tuy nhiên, qua đối chiếu các tài liệu chứng cứ thu thập và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng:

[3.1] Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2023, ông U thống nhất số tiền còn nợ theo nguyên đơn đưa ra là 725.168.000 đồng. Đến khi hòa giải ngày 26/6/2023, ông U thay đổi ý kiến cho rằng còn nợ đại lý T khoảng 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng chứ không đến 725.168.000 đồng, nhưng ông U cũng không xác định được cụ thể số tiền nợ là bao nhiêu, không cung cấp được

hóa đơn, tài liệu để chứng minh. Đối với bà N trình bày thống nhất với trình bày của ông U và đề nghị cho bà N thời gian để bà N kiểm tra lại số nợ còn thiếu đại lý T chính xác là bao nhiêu thì bà N đồng ý cùng ông U trả cho đại lý T số tiền còn thiếu. Thế nhưng, từ sau ngày hòa giải 26/6/2023 đến khi xét xử sơ thẩm ông U và bà N cũng không cung cấp cho Tòa án thông tin, tài liệu gì về việc ông bà kiểm tra lại khoản nợ và số tiền còn nợ đại lý T cụ thể là bao nhiêu, đồng thời cũng không tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến về khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm, đại diện nguyên đơn có cung cấp trích ghi âm cuộc trao đổi giữa ông Trần Huân với ông U có nội dung liên quan đến khoản nợ, ông U thừa nhận số nợ là hợp lý. Ông U ý kiến mỗi năm gửi trả 50.000.000 đồng, ý kiến ông H1 nếu một năm trả 50.000.000 đồng thì tới 14 năm. Qua nội dung cuộc trao đổi này thể hiện khoản nợ mà ông U và bà N nợ đại lý T phải là từ 700.000.000 đồng trở lên.

[3.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà N không kháng cáo, chỉ có ông U kháng cáo. Tại đơn kháng cáo của ông U chỉ đồng ý trả cho đại lý T 500.000.000 đồng, trong khi ông U không xác định được số tiền còn nợ đại lý T cụ thể là bao nhiêu, thì căn cứ nào ông U đồng ý trả bằng 500.000.000 đồng.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông U và bà N cung cấp các hóa đơn thể hiện số tiền còn nợ đại lý T, theo hóa đơn thì ông U và bà N thừa nhận khoản tiền thức ăn tôm, thuốc thủy sản còn nợ là 525.093.000 đồng (chưa tính tiền bạt trải ao). Lý giải vì sao tại cấp sơ thẩm ông U và bà N không cung cấp các hóa đơn để xác định số tiền còn nợ, mà đến khi xét xử phúc thẩm mới cung cấp thì ông U và bà N trình bày do trước đây ông bà di dời nhà nên bị thất lạc các hóa đơn, sau khi xét xử sơ thẩm ông bà mới tìm kiếm được nên mới cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Do đó, chưa có cơ sở để xác định ông U và bà N đã cung cấp đầy đủ các hóa đơn mà đại lý T đã giao cho ông bà hay không. Mặt khác, qua xác minh đối với chính quyền địa phương và những người dân nơi ông U và bà N sinh sống trình bày khi xảy ra dịch Covid bùng phát thì ông U và bà N có ngưng nuôi tôm một thời gian. Như vậy, trình bày của ông U chỉ mua thức ăn và thuốc thủy sản của đại lý T đến ngày 29/4/2021 là không có cơ sở, vì trình bày của ông U cho rằng từ sau ngày 29/4/2021 ông U đã nghỉ nuôi tôm là không phù hợp với thời gian dịch Covid bùng phát, vì thời gian dịch Covid bùng phát là sau thời điểm tháng 4/2021.

[5] Từ phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Hộ kinh doanh đại lý T, buộc ông U và bà N trả số tiền 725.168.000 đồng là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Đào Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn U phải chịu 300.000đ, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn U.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 166/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh đại lý T.

Buộc ông Đào Văn U và bà Nguyễn Ánh N trả cho Hộ kinh doanh đại lý T (do bà Văn Hồng H là chủ hộ) số tiền 725.168.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Văn U và bà Nguyễn Ánh N phải chịu 33.006.700 đồng. Hộ kinh doanh đại lý T không phải chịu án phí. Ngày 25/5/2023, Hộ kinh doanh đại lý T đã dự nộp 16.503.000 đồng theo biên lai thu số 0014173 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông U phải chịu 300.000. Ngày 21/8/2023, ông U đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000341 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đổi trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập